

Bản án số: 147/2022/DS-PT

Ngày: 21 - 6 - 2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Văn Yên

*Các Thẩm phán:*

Bà Đinh Cẩm Đào

Ông Ninh Quang Thế

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Thúy An là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Trung Biển - Kiểm sát viên.

Ngày 19/5/2022 và 18, 21/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2022/TLPT-DS ngày 25 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 79/2021/DS-ST ngày 08/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cbị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 237/2022/QĐXX-PT ngày 27/12/2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T.

*Người đại diện theo pháp luật:* Anh Trần Văn L - Chức vụ: Giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Chị Trần Thị L – sinh năm 1984 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 20, ấp B, xã L, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1971 (Có mặt)

Bà Bùi Kim M (M), sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ông Nguyễn Thanh V:* Luật sư Lê Minh C thuộc Văn phòng luật sư Lê Minh C – Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt).

*Người kháng cáo: Ông Nguyễn Thanh V.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Ông Trần Văn L trình bày:* Năm 2016, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T (**gọi tắt là Công ty T**), trước là Đại Lý T có thỏa thuận bán thức ăn nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa và các loại thuốc thủy sản theo số lượng đặt hàng của ông V (giao dịch bằng lời nói), đến cuối vụ ông V, bà M thanh toán dứt điểm tiền mua thức ăn nuôi tôm cho Công ty.

Trong quá trình giao dịch, ông V và bà M không trả tiền đúng theo thỏa thuận là thanh toán hết nợ cho Công ty. Theo bảng đối chiếu nợ và cam kết thanh toán ký tháng 05/2020, ông V, bà M còn nợ Công ty 404.215.000 đồng. Ngày 20/6/2020, ông V thanh toán 2.000.000 đồng, phần còn lại 402.215.000 đồng không thanh toán.

Nay yêu cầu ông V, bà M thanh toán cho Công ty T 402.215.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

*Ông Nguyễn Thanh V trình bày:* Năm 2013 Công ty T thỏa thuận cung cấp thức ăn nuôi trồng thủy sản cho ông với giá chiết khấu là 2.500 đồng/kg, phí vận chuyển do Công ty T chịu bằng 300.000 đồng/tấn. Từ tháng 10/2013 đến tháng 12/2018 Công ty T cung cấp thức ăn tôm cho ông theo thỏa thuận có khối lượng 98.110 kg.

Đổi trừ tiền chiết khấu, phí vận chuyển và tiền thanh toán trước 2.000.000 đồng, ông còn nợ Công ty T 138.860.538 đồng, nay ông đồng ý thanh toán khoản nợ này cho Công ty T.

Việc mua thức ăn của Công ty T không liên quan đến bà Bùi Kim M, nên yêu cầu không xác định bà M có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Công ty T.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 79/2021/DS-ST ngày 08/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau quyết định:*

Chấp nhận khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T đối với Ông Nguyễn Thanh V và bà Bùi Kim M.

Buộc Ông Nguyễn Thanh V và bà Bùi Kim M liên đới trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T 402.215.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ do chậm thi hành án, quyền, nghĩa vụ của các bên đương sự trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 15/11/2011, ông V kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa ông V đồng ý thanh toán nợ cho Công ty T nhưng yêu cầu phải

đổi trừ tiền do Công ty thoả thuận trừ chiết khấu và phí vận chuyển. Căn cứ kháng cáo ông V và Luật sư xác định:

Về phần thủ tục bị xét xử vắng mặt ông V không yêu cầu xem xét. Ông V yêu cầu xem xét đổi trừ tiền chiết khấu, phí vận chuyển và tiền thanh toán trước 2.000.000 đồng, ông còn nợ Công ty T 127.507.000 đồng. Yêu cầu xác định bà Bùi Kim M không liên quan, không có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Công ty T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Kháng cáo của ông V thực hiện trong hạn luật định, hợp pháp.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

Tại phiên tòa ông V nhận có ký nợ tiền mua thức ăn nuôi tôm của Công ty T 404.215.000 đồng nhưng cho rằng Công ty T vi phạm thoả thuận không đổi trừ tiền chiết khấu lượng thức ăn đã mua và phí vận chuyển theo thoả thuận. Ông V yêu cầu đổi trừ tiền chiết khấu lượng thức ăn đã mua và phí vận chuyển cho ông như sau: Chiết khấu 2.500 đồng x 98.110 kg = 245.275.000 đồng; Phí vận chuyển 300.000 đồng/tấn x 98.110 kg = 29.433.000 đồng. Như vậy, đổi trừ chiết khấu 245.275.000 đồng, phí vận chuyển 29.433.000 đồng, 2.000.000 đồng đã thanh toán, còn nợ lại 127.507.000 đồng. Số liệu giải trình tại cấp sơ thẩm ông V nhận là có là có sai số do tính toán nhầm lẫn. Nay ông đồng ý thanh toán cho Công ty T 127.507.000 đồng.

Giải thích về việc này ông V cho rằng hợp đồng không lập văn bản nhưng việc chiết khấu lại % giá trị cho người mua tương ứng với khối lượng và thanh toán cho người mua tiền vận chuyển mang tính qui ước chung trong việc mua bán thức ăn nuôi tôm mà Công ty T bán cho bà con nông dân ở cùng địa phương với ông V.

Ông V cung cấp nhân chứng là những người nuôi tôm công nghiệp ở cùng địa phương, mua thức ăn tôm với ông tại Công ty T cùng thời điểm, các nhân chứng khai nhận việc người mua thức ăn nuôi tôm được bên bán chiết khấu, được thanh toán phí vận chuyển như ông V khai.

Đại diện Công ty T cho rằng: Việc chiết khấu % giá trị cho người mua tương ứng với khối lượng; Thanh toán tiền vận chuyển thức ăn nuôi tôm cho người mua là có nhưng tùy theo người mua, lượng hàng hoá ít hay nhiều mà Công ty có chính sách hậu mãi phù hợp. Theo bà L trường hợp ông V không được Công ty T hậu

mãi tiền chiết khấu là do ông V nuôi tôm không hiệu quả, không thanh toán tiền đầy đủ cho Công ty.

Do việc mua bán, thoả thuận thanh toán không lập văn bản nên cùng một nội dung hai bên trình bày mâu thuẫn, trên cơ sở thừa nhận vụ việc của hai bên đương sự, có căn cứ kết luận vụ việc như sau:

- Việc ông V nhận còn nợ 404.215.000 đồng tiền mua thức ăn nuôi tôm của Công ty T là một phần của giá trị toàn bộ hợp đồng, bởi thực tế quá trình giao dịch ông V mua ít nhất là 23.491kg thức ăn nuôi tôm của Công ty T (đại diện Công ty khai nhận), giá trị 1kg thức ăn nuôi tôm tại thời điểm giao dịch các đương sự khai tương ứng 32.000đồng/kg nếu cộng với thuốc trị bệnh, thuốc xử lý môi trường nước ... thì tổng giá trị ít nhất là trên 750.000.000 đồng. Nên xác định thời gian qua ông V đã có thanh toán cho Công ty T một phần tiền mua thức ăn tôm là có thật. Nếu có thoả thuận chiết khấu thì việc thanh toán được thực hiện tương ứng với giá trị thanh toán, lượng thức ăn tôm tương ứng. Do đó nếu giao dịch từ năm 2013 đến nay ông V thanh toán mà không có đối trừ chiết khấu càng chứng tỏ việc thoả thuận chiết khấu giữa hai bên đến thời điểm này là chưa có chứng cứ xác thực.

- Về trách nhiệm thanh toán nợ: Ông V cho rằng ông là người trực tiếp thoả thuận mua thức ăn nuôi tôm của Công ty T. Bà M là người có quan hệ tình cảm như vợ chồng với ông nhưng không ở chung nhà, kinh tế độc lập, không liên quan đến việc mua bán này.

Án sơ thẩm xác định ông V và bà M có quan hệ vợ chồng, hôn nhân đang tồn tại, ông V nuôi tôm là làm kinh tế chung trong gia đình. Hồ sơ vụ án không có chứng cứ thể hiện ông V, bà M là vợ chồng. Ông V cũng không thừa nhận có quan hệ này với bà M. Do đó, án sơ thẩm buộc bà M liên đới với ông V thanh toán nợ cho Công ty T số tiền 402.215.000 đồng là chưa có chứng cứ vững chắc. Tuy nhiên, bà M không kháng cáo nên việc xác định nghĩa vụ của bà M do án sơ thẩm tuyên đã có hiệu lực pháp luật.

Công ty T không yêu cầu ông V và bà M chịu lãi chậm thanh toán nên không xét.

Vì các lẽ trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông V.

[3] Án phí phúc thẩm ông V phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không nhận xét lập lại.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Ông Nguyễn Thanh V, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 79/2021/DS-ST ngày 08/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T đối với Ông Nguyễn Thanh V và bà Bùi Kim M.

Buộc Ông Nguyễn Thanh V và bà Bùi Kim M liên đới trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T số tiền là 402.215.000 đồng (Bốn trăm lẻ hai triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T có đơn yêu cầu thi hành án nếu Ông Nguyễn Thanh V và bà Bùi Kim M không thi hành xong thì phải chịu lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Ông Nguyễn Thanh V và bà Bùi Kim M phải chịu 20.088.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T không phải chịu án phí, ngày 13/11/2020 đã dự nộp án phí 10.311.000 đồng theo biên lai thu số 0005884 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C được nhận lại.

Án phí phúc thẩm: Ông V phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp được chuyển thu.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**Huỳnh Văn Yên**

